

Số: *107* /BC-VWTC

Quảng Ninh, ngày 15 tháng 02 năm 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Công ty Cổ phần Vận tải thủy – VINACOMIN năm 2018

Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát.

- + Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Vận tải thủy – VINACOMIN
- + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700647458 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 24/4/2007; Sửa đổi lần 4 ngày 23/01/2019.
- + Vốn điều lệ: 100 tỷ đồng.
- + Địa chỉ: 108 Lê Thánh Tông, Hạ Long, Quảng Ninh.
- + Điện thoại: 0203 3518069 Fax: 0203 3518059
- + Website: vantaithuytkv.vn
- + Email: vantaithuytkv@vnn.vn
- +Mã cổ phiếu: WTC

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty Cổ phần Vận tải thủy – TKV (nay là Công ty Cổ phần Vận tải thủy – VINACOMIN) được thành lập từ ngày 24/4/2007.
- Tháng 12 năm 2009, Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty đại chúng.

*** Tình hình hoạt động :**

- Năm 2007: Sau khi thành lập, Công ty nhanh chóng ổn định tổ chức và khẩn trương triển khai các hoạt động kinh doanh. Khi mới thành lập, chưa có phương tiện vận tải nhưng Công ty đã chủ động, tích cực thuê phương tiện bên ngoài để hoạt động.

- Năm 2008: Công ty đã đưa vào khai thác 1 đoàn Sà lan TKV 01 trọng tải 1600 tấn và tiếp tục thuê phương tiện bên ngoài để hoạt động.

- Năm 2009: Công ty đã đưa 1 tàu vận tải biển VINACOMIN 01 trọng tải 3000DWT, cấp hạn chế 2 và 1 đoàn Sà lan TKV 03 trọng tải 1600 tấn vào hoạt động. Công ty vẫn tiếp tục thuê thêm phương tiện bên ngoài để hoạt động.

- Năm 2010: Công ty đưa 2 tàu VINACOMIN 02; VINACOMIN 03 trọng tải 3000DWT và 1 tàu VINACOMIN Hà Nội, trọng tải 7000DWT vào khai thác. Công ty tiếp tục thuê thêm phương tiện bên ngoài để hoạt động.

- Năm 2011: Công ty đưa 1 tàu VINACOMIN Hạ Long trọng tải 7000DWT vào hoạt động. Công ty tiếp tục thuê thêm phương tiện bên ngoài để hoạt động.

- Năm 2012: Công ty có tổng số 2 tàu 7000DWT, 3 tàu 3000 DWT, 2 đoàn sà lan đang khai thác. Tổng trọng tải là 26.600 Tấn phương tiện. Công ty tiếp tục thuê thêm phương tiện bên ngoài để hoạt động.

- Năm 2013: Do sự cố đâm va, tàu VINACOMIN 03 trọng tải 3000 DWT của công ty bị tổn thất chìm. Tổng số phương tiện khai thác trong năm là 2 tàu 7000 DWT, 2 tàu 3000 DWT và 2 đoàn sà lan. Công ty tiếp tục thuê thêm phương tiện bên ngoài để hoạt động.

- Năm 2014: Công ty tổ chức thuê 01 tàu Vinacomin 05 của Tập đoàn trọng tải 3000 DWT nên tổng số tàu năm 2014 của Công ty gồm: 2 tàu 7000 DWT; 3 tàu 3000 DWT; 2 đoàn sà lan trọng tải 1800 tấn. Tổng trọng tải khai thác là 26.600 tấn, Công ty tiếp tục thuê phương tiện bên ngoài tham gia hoạt động.

- Năm 2015:

+ Từ tháng 01/2015: Công ty đã thuê tàu Vinacomin Cẩm Phả, trọng tải 8800 DWT của Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam để khai thác.

+ Tháng 3/2015: Công ty đã chuyển nhượng 2 tàu 7000 DWT cho Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam và sau đó thuê lại của Tập đoàn để khai thác.

- Năm 2016: Từ ngày 01/01/2016 Công ty thuê thêm 2 tàu VINACOMIN 06 và VINACOMIN 07 của Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam để khai thác.

- Năm 2017: Đội tàu biển của Công ty không thay đổi so với năm 2016.

- Năm 2018: Đội tàu biển của Công ty không thay đổi so với năm 2017.

Như vậy năm 2018 tổng số tàu của Công ty gồm: 1 tàu VINACOMIN Cẩm Phả, trọng tải 8800 DWT; 2 tàu VINACOMIN Hà Nội, VINACOMIN Hạ Long trọng tải 7000 DWT; 5 tàu VINACOMIN 01, 02, 05, 06, 07 trọng tải 3000 DWT; 2 đoàn Sà lan TKV 01, TKV 03 trọng tải 1800 tấn. Tổng trọng tải khai thác là 41.400 tấn. Công ty tiếp tục thuê phương tiện bên ngoài tham gia hoạt động.

3. Ngành nghề chính và địa bàn kinh doanh:

- Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa.
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.

- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác).
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

+) Cơ cấu bộ máy quản lý

Chú giải:

————— Chỉ đạo điều hành chung các mặt hoạt động SXKD

- - - - - Chỉ đạo điều hành lĩnh vực được phân công, phụ trách hoặc chức năng nhiệm vụ được giao

- - - - - Mọi quan hệ công tác giữa các đơn vị, bộ phận trong công việc

5. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Công ty hoạt động trong lĩnh vực vận tải, chủ yếu vận tải bằng đường biển. Mặt khác Công ty là Công ty con trong Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, vì vậy mục tiêu chủ yếu của Công ty là phát triển đội tàu biển và sà lan đảm bảo đáp ứng 30% nhu cầu vận tải than và khoáng sản của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam đi các tuyến Quốc tế và nội địa. Đồng thời, Công ty còn hướng tới việc mở rộng các hoạt động vận tải cho các đối tác bên ngoài và hoạt động kinh doanh thương mại.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Phát triển đội tàu biển đủ mạnh, làm nòng cốt để thực hiện vận tải than và khoáng sản của Tập đoàn, đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hoá bằng đường biển của nền kinh tế quốc dân.

6. Các rủi ro có thể ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

- Sự trì trệ của nền kinh tế thế giới và kinh tế trong nước, thị trường vận tải chưa có dấu hiệu khởi sắc.

- Sự biến động giá cả các nguyên liệu và dịch vụ đầu vào chủ yếu như xăng dầu, vật tư, nhân công sửa chữa thay thế ...

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2018:

* Kết quả năm 2018: Công ty đã có nhiều cố gắng, tìm các biện pháp để thích ứng với tình hình sản xuất, tăng cường công tác thị trường, quản trị chi phí và tăng doanh thu. Kết quả năm 2018 Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh về Doanh thu được 636.194 triệu đồng, đạt 127,24 % so KH; Lợi nhuận 20.313 triệu đồng, đạt 338,55% so KH.

• Thực hiện kết quả SXKD năm 2018:

a. Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2018:

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	So sánh (%)
1	Khối lượng vận chuyển	Tấn	4.183.200	5.601.997	133,92
-	Vận tải biển	Tấn	850.000	985.571	115,95
-	Vận tải sông (Sà lan)	Tấn	133.200	124.844	93,73
-	Thuê tàu vận tải than	Tấn	3.200.000	4.491.582	140,36

2	Doanh thu tổng số	Tr.đồng	500.000	636.194	127,24
3	Giá trị sản xuất	Tr.đồng	161.200	203.789	126,42
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	6.000	20.313	338,55
5	Tiền lương bình quân	1000đ/ng/th	11.220	13.516	120,46

Tổ chức và nhân sự: Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

DANH SÁCH TRÍCH NGANG LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Chỗ ở hiện nay	Chức vụ		Trình độ		Ghi chú
					Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Chuyên môn	Chính trị	
1	Vũ Văn Tâm	08/4/1962	Tiên Minh, Tiên Lãng, Hải Phòng	Phường Hồng Gai, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Giám đốc	16/4/2009	- Kỹ sư điều khiển tàu biển (chính quy) - Kỹ sư quản trị doanh nghiệp	Cao cấp Lý luận Chính trị	
2	Phạm Thế Trọng Toàn	12/11/1977	Thượng Hiền, Kiến Xương, Thái Bình	Tổ 6 khu 6 Yết Kiêu Hạ Long Quảng Ninh	Phó Giám đốc	01/12/2016	- Kỹ sư điều khiển tàu biển. - Thạc sỹ bảo đảm hàng hải	Sơ cấp lý luận chính trị	
3	Phạm Thị Thu Hà	20/7/ 1972	Tràng Sơn, Đô Lương, Nghệ An	Phường Hồng Hải, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Kế toán trưởng	16/4/2007	Cử nhân Tài chính - Tín dụng (Chính quy)	Cao cấp Lý luận Chính trị	

- Những thay đổi trong ban điều hành: Không có
- Tổng số lượng CBCNV đến 31/12/2018: 180 người
 - + Trong đó: Gián tiếp : 39 người
 - Trực tiếp : 141 người.

Chính sách đối với người lao động: Thực hiện trả lương, thưởng theo quy chế quản lý lao động và tiền lương của Công ty. Hàng tháng người lao động được thanh toán đầy đủ, kịp thời các khoản lương. Đối với nhân viên văn phòng được hưởng chế độ ăn giữa ca, đối với người lao động trên các đoàn phương tiện được hưởng chế độ ăn định lượng theo quy định. Hàng năm người lao động được khám sức khỏe định kỳ theo quy định. Đối với các thuyền viên được khám sức khỏe chuyên ngành hàng hải. Công ty cũng đã xây dựng Quy chế trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân áp dụng cho CBCNV trong toàn Công ty. Chế độ thưởng được áp dụng theo quy chế thi đua khen thưởng của Công ty.

2. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án: Trong năm 2018 Công ty không có các khoản đầu tư.

3. Tình hình tài chính:

a) *Tình hình tài chính:*

ST T	Chỉ tiêu	Năm 2017 (Tr.đ)	Năm 2018 (Tr.đ)	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	87.629	83.804	- 4
2	Doanh thu thuần	503.926	633.031	26
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.537	18.902	189
4	Lợi nhuận khác	1.025	1.411	0,37
5	Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	7.562	20.313	169
6	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	7.562	20.313	169

b) *Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:*

ST T	Chỉ tiêu	Năm 2017 (lần)	Năm 2018 (lần)	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán -Hệ số thanh toán ngắn hạn -Hệ số thanh toán nhanh	0,46 0,37	0,67 0,55	

2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	-Hệ số Nợ/Tổng tài sản	1,2	0,9	
	-Hệ số Nợ/Vốn chủ SH	0,37	12,9	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	- Vòng quay hàng tồn kho	52,03	62,95	
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	5,75	7,55	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	-Hệ số LNST/Doanh thu thuần	1,50 %	3,2	
	-Hệ số LNST/ Vốn CSH	-	3,37	
	-Hệ số LNST/Tổng tài sản	8,63 %	24	
	- Hệ số LN từ HĐKD/D thu thuần	1,30 %	30	

6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 10.000.000 cổ phần
- Số cổ phần chuyên nhượng tự do: 2.354.778 cổ phần
- Số cổ phần hạn chế chuyên nhượng: 7.645.222 cổ phần
- Thị trường giao dịch: UPCOM

b. Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông lớn: Công ty TNHH vận tải Việt Thuận sở hữu: 6.950.221 cổ phần, chiếm 69,50%.
- Cổ đông cá nhân: 3.049.779 cổ phần, chiếm 30,50%.

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu: Công ty TNHH vận tải Việt Thuận mua lại cổ phần của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam tại Công ty.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e. Các chứng khoán khác: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Báo cáo tình hình tài chính 2018:

- Khả năng sinh lời: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần (ROS): 1,50%; Tỷ suất lợi nhuận/ vốn chủ sở hữu (ROE): -%, Tỷ suất sinh lợi của tài sản (ROA): 24%; Hệ số khả năng thanh toán: 0,67 lần.

- Phân tích những biến động những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động: Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 Công ty đã có lãi được 20.313 triệu đồng.

- Giá trị tài sản theo sổ sách tại thời điểm 31/12/2018: **83.804.398.007** đồng.

- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp: Trong năm 2018 thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp. Hiện tại như sau :

+ Công ty TNHH vận tải Việt Thuận sở hữu: 6.950.221 cổ phần, chiếm 69,50%.

+ Cổ đông cá nhân: 3.049.779 cổ phần, chiếm 30,50%.

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 10.000.000 cổ phiếu

Trong đó : Cổ phiếu phổ thông: 10.000.000 cổ phiếu

Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu

- Tổng số trái phiếu đang lưu hành: (Không có)

(Theo từng loại: trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi ...)

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 10.000.000 cổ phiếu

Trong đó : Cổ phiếu phổ thông: 10.000.000 cổ phiếu

Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại (Không có)

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2018:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ so KH năm (%)
1	2	3	4	5=4/3
I- Khối lượng vận tải	Tấn	4.183.200	5.601.997	133,92
1.1- Vận tải biển				
- Khối lượng hàng hoá vận chuyển	Tấn	850.000	985.571	115,95
Trong đó : Tàu của Vận tải thủy		171.800	150.944	87,86
Tàu thuê TKV		678.200	834.626	123,06
1.2- Vận tải sông (sà lan)				
- Khối lượng hàng hoá vận chuyển	Tấn	133.200	124.844	93,73
1.3- Thuê tàu vận tải than				
- Khối lượng hàng hoá vận chuyển	Tấn	3.200.000	4.491.582	140,36
2- Doanh thu tổng số	Tr.đồng	500.000	636.194	127,24
2.1- Doanh thu Vận tải thủy	"	133.288	163.194	122,44

Trong đó : - Vận tải biển	"	127.836	151.389	118,42
+ Tàu của Vận tải thủy		21.826	19.021	87,15
+ Tàu thuê TKV		106.010	132.368	124,86
- Sà lan	"	5.452	4.495	82,44
- Doanh thu khác		0	7.310	
2.2 - Doanh thu thuê tàu	"	366.712	469.837	128,12
2.3 - Doanh thu TC+ khác	"	0	3.163	
3. Giá vốn thuê tàu vận tải	Tr.đồng	338.800	421.931	124,54
4. Giá trị sản xuất	Tr.đồng	161.200	203.789	126,42
- Vận tải biển	"	127.836	151.389	118,42
+ Tàu của Vận tải thủy	"	21.826	19.021	87,15
+ Tàu thuê TKV	"	106.010	132.368	124,86
- Sà lan	"	5.452	4.495	82,44
- Tàu vận tải đi thuê	"	27.912	47.906	171,63
5. Tổng chi phí trong kỳ	Tr.đồng	155.200	193.949	124,97
5.1 Chi Phí trung gian	"	120.833	154.511	127,87
5.2 Giá trị gia tăng	"	34.367	39.439	114,76
- Khấu hao tài sản	"	7.388	7.389	100,01
- Tiền lương	"	24.369	29.356	120,46
Trong đó: Tiền lương người lao động		23.540	28.527	121,19
Tiền lương VCQL		829	829	100,00
- Bảo hiểm xã hội - y tế - TN - CĐ	"	2.610	2.694	103,21
- Thuế trong giá thành	"			
5.3 Chi phí hoạt động khác	"			
6. Lợi nhuận	Tr.đồng	6.000	20.313	338,55
7. Các chỉ tiêu hướng dẫn về LĐ tiền lương				
- Đơn giá lương	đ/1000 GTSX	146	140	95,86
- Lao động bình quân	Người	181	181	100,00
- Tiền lương bình quân	1.000đ/ng- th	11.220	13.516	120,46

• **Những thuận lợi, khó khăn khi thực hiện sản xuất năm 2018:**

Thuận lợi, khó khăn.

* **Thuận lợi:**

- Công ty tiếp tục được Tập đoàn quan tâm, tạo điều kiện với các giải pháp hỗ trợ chính như sau:

+ Giao công ty đảm nhận vận chuyển một phần tương đối lớn khối lượng than cung cấp cho các hộ tiêu thụ lớn của Tập đoàn như: các nhà máy nhiệt điện, các nhà máy xi măng... để đảm bảo nguồn hàng cho các phương tiện thủy của Công ty, thuê của TKV và thuê ngoài vận chuyển.

+ Giao công ty đảm nhận việc vận chuyển than chuyên vùng.

- Sự hợp tác và tạo điều kiện của các đơn vị trong TKV và ngoài ngành.
- Tập thể cán bộ công nhân viên đoàn kết, đồng lòng chia sẻ khó khăn, gắn bó với Công ty cùng nhau phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao.

** Khó khăn:*

- Đội tàu TKV không phù hợp với nhu cầu của khách hàng mua than, không phù hợp yêu cầu của một số cảng tiếp nhận than.
- Giá cước vận chuyển hàng ngoài than thấp, không có hiệu quả.
- Quý III/2018 thời tiết mưa nhiều nên các đơn vị trong TKV không khai thác được than để cung cấp cho các nhà máy nhiệt điện.
- Giá nhiên liệu bình quân năm 2018 tăng cao so với năm 2017 và tăng cao so với Kế hoạch đầu năm. Tổng số tiền chi phí nhiên liệu vượt do tăng giá là 10,51 tỷ đồng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Trong năm 2018 Công ty đã áp dụng nhiều biện pháp nhằm thắt chặt chi tiêu, giảm chi phí trong sản xuất kinh doanh như áp dụng giảm định mức nhiên liệu, vật tư, dầu nhờn

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai :

Năm 2018 và những năm tiếp theo, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện các hợp đồng vận chuyển truyền thống cho Tập đoàn CN than – Khoáng sản Việt nam. Công ty sẽ chủ động hơn trong kinh doanh, đặc biệt là trong lĩnh vực vận tải bằng đường biển nội địa. Dự kiến trong năm nay và những năm tới một số nhà máy điện như Vĩnh Tân 1, Vĩnh tân 2, Vũng áng... tiêu thụ rất lớn lượng than của mỗi Nhà máy từ 3 đến 4 triệu tấn/năm. Vì vậy chiến lược phát triển trong tương lai của Công ty là làm đầu mối vận tải than từ Quảng Ninh đi các thị trường nội địa và Quốc tế, vận tải hàng hóa hai chiều để tăng doanh thu trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty tìm nhiều giải pháp để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tiết kiệm chi phí, vật tư, nhiên liệu, tăng cường công tác thị trường. Do vậy năm 2018 đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra, đặc biệt về doanh thu và lợi nhuận. Năm 2018 Công ty đã có lãi 20.313 triệu đồng.

** Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018 :*

- Tổng khối lượng vận chuyển:	5.601.997 tấn	= 133,92% KH
- Tổng doanh thu:	636.194 triệu đồng	= 127,24 % KH
- Giá trị sản xuất:	203.789 triệu đồng	= 126,42 % KH

- Lợi nhuận trước thuế: 20.313 triệu đồng = 338,55 % KH.

- Thu nhập bình quân: 13.516.000 đ người/tháng = 120,46 % KH

V. Quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018:

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị công ty gồm có 3 người.

- Ông Hoàng Minh Hiếu Chủ tịch HĐQT từ ngày 01/01/2018 đến 31/12/2018 (không thay đổi).

- Ông Vũ Văn Tâm Ủy viên HĐQT từ ngày 01/01/2018 đến 31/12/2018 (không thay đổi).

- Ông Phạm Thế Trọng Toàn: Ủy viên HĐQT từ ngày 01/01/2018 đến 31/12/2018 (không thay đổi).

1.2 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát gồm 3 thành viên.

Cơ cấu thành viên Ban kiểm soát:

- Ông Phạm Xuân Vinh: Trưởng BKS từ ngày 01/01/2018 đến 18/4/2018 (thay đổi).

- Bà Nguyễn Thị Lịch: Trưởng BKS từ ngày 18/4/2018 đến 31/12/2018 (thay đổi).

- Bà Vũ Thị Thu Phương: Ủy viên BKS từ ngày 01/01/2018 đến 18/4/2018 (thay đổi).

- Ông Nguyễn Trọng Đại: Ủy viên BKS 18/4/2018 đến 31/12/2018 (thay đổi).

- Ông Lương Đức Chính: Ủy viên BKS từ ngày 01/01/2018 đến 31/12/2018 (không thay đổi).

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty:

Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ III được Đại hội đồng cổ đông sáng lập bầu ra gồm 3 thành viên, với chức năng quản lý các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngay từ đầu năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty đã phân công các thành viên trong Hội đồng và tập trung sự lãnh đạo tổ chức triển khai thực hiện tốt trên các lĩnh vực quản lý, điều hành sản xuất đã tạo ra sự ổn định đồng bộ trong sản xuất kinh doanh, phù hợp với tình hình thực tiễn, đẩy mạnh công tác nâng cao chất lượng vận chuyển, kiểm soát chi phí trong sản xuất.

Hội đồng quản trị Công ty duy trì các cuộc họp thường kỳ đảm bảo chương trình, số lượng thành viên dự họp và biểu quyết theo Luật định. Tổ chức thực hiện tốt công tác giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác. Năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện được

14 cuộc họp, ban hành 15 Nghị quyết và một số các văn bản khác để thông qua các nội dung chủ yếu như:

Hội đồng quản trị và các thành viên HĐQT, bộ máy điều hành Công ty đã thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định của HĐQT, tuân thủ pháp luật và Điều lệ Công ty khi thực hiện chức trách, nhiệm vụ của mình. Các thành viên Hội đồng quản trị đã hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Hoạt động của ban Kiểm soát :

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát Công ty đã được quy định tại điều 123 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định:

Hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN trong năm 2018 cụ thể như sau:

- Thực hiện kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị chi phí, quản lý điều hành Công ty.

- Kiểm soát tình hình thực hiện Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty, Nghị quyết hội đồng quản trị. Quyết định, Quy chế, Quy định của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty.

- Thường xuyên kiểm soát các hoạt động của Công ty thông qua kế hoạch, chương trình công tác của ban, giám sát các hoạt động của Công ty thông qua nghị quyết các kỳ họp của HĐQT và quá trình triển khai thực hiện của Giám đốc điều hành, trong tất cả các lĩnh vực thuộc quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Giám đốc điều hành đã được quy định trong Điều lệ Công ty.

- Kiểm soát tình hình hoạt động SXKD, báo cáo tài chính, các mặt quản lý khác của Công ty như: Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, với Tập đoàn, thực hiện quyền và nghĩa vụ của các cổ đông mà Điều lệ Công ty đã quy định.

- Giám sát công tác điều hành và triển khai thực hiện của Ban Giám đốc thông qua việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị và thực hiện hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Giám đốc Công ty và Giám đốc Tập đoàn CN Than – Khoáng sản Việt nam.

- Đề xuất lựa chọn kiểm toán độc lập là Cty TNHH kiểm toán BDO thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty.

4. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT:

* Thù lao các thành viên Hội đồng quản trị năm 2018:

- Ông Hoàng Minh Hiếu: Chủ tịch: 54.000.000 đồng từ 01/01/2018 đến 31/12/2018.

- Ông Vũ Văn Tâm: Ủy viên: 45.360.000 đồng từ 01/01/2018 đến 31/12/2018.

- Ông Phạm Thế Trọng Toàn: Ủy viên 45.360.000 đồng (từ ngày 01/01/2018 đến 31/12/2018).

* Các lợi ích khác: Các thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán tiền chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí khác mà thành viên đó bỏ ra khi thực hiện chức trách và nhiệm vụ của mình, kể cả mọi chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Thù lao và các lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát 2018:

* Thù lao của Ban kiểm soát :

- Ông Phạm Xuân Vinh: Trưởng BKS 15.120.000 đồng từ 01/01/2018 đến 18/4/2018.

- Bà Nguyễn Thị Lịch: Trưởng BKS 30.240.000 đồng từ 18/4/2018 đến 31/12/2018.

- Ông Lương Đức Chính: Ủy viên BKS 41.040.000 đồng (từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018).

- Bà Vũ Thị Thu Phương: Ủy viên BKS 0 đồng (từ ngày 01/01/2018 đến ngày 18/4/2018: Lý do nghỉ chế độ thai sản).

- Ông Nguyễn Trọng Đại: Ủy viên BKS 27.360.000 đồng (từ ngày 18/4/2018 đến ngày 31/12/2018).

* Các lợi ích khác: Các thành viên Ban kiểm soát được thanh toán tiền chi phí đi lại, ăn, ở, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi tham gia các cuộc họp của ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

6. Thù lao và các lợi ích khác Giám đốc điều hành:

Tổng tiền lương, tiền thưởng của Giám đốc điều hành năm 2018:

Ông Vũ Văn Tâm: 319.190.000 đồng.

Trong đó: - Tiền lương: 302.190.000 đồng

- Tiền lễ, tết: 17.000.000 đồng

Các lợi ích khác: Được thanh toán tiền chi phí đi lại, ăn, ở, chi phí hợp lý khác khi thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

- Số lượng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: 3/3 thành viên HĐQT; 3/3 Ban kiểm soát; 2/3 thành viên Ban giám đốc có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty .

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT năm 2018:

Ông Hoàng Minh Hiếu: 2.800 cổ phần; chiếm 0,00028%.

Ông Vũ Văn Tâm: 8.400 cổ phần; chiếm 0,00084%

Ông Phạm Thế Trọng Toàn: 695.481 cổ phần; chiếm 6,95%.

- Những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT năm 2018: (Có) do ông Phạm Thế Trọng Toàn mua lại 695.001 cổ phần.

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn của công ty của các thành viên HĐQT, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Không có.

- Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của thành viên HĐQT, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Không có.

VI. Báo cáo tài chính:

1. Kiểm toán độc lập.

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

- Ý kiến kiểm toán viên: Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Vấn đề cần nhấn mạnh:

Không nhằm mục đích phủ nhận kết luận kiểm toán nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến Thuyết minh báo cáo tài chính số VIII.4 về khoản nợ ngắn hạn của đơn vị vượt quá tài sản ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2018 là 25.590.363,559 đồng. Dấu hiệu này đã chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây ra sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của đơn vị.

3. Báo cáo tài chính được kiểm toán: (Nội dung chi tiết kèm theo).

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Ủy ban CKNN;
- Sở giao dịch CK Hà Nội;
- Lưu: VT, TCHC.



Vũ Văn Tâm